

# NHẬN THỨC VÀ HÀNH VI THỰC TẾ CỦA NGƯỜI NÔNG DÂN TRONG THỰC HÀNH CHĂN NUÔI AN TOÀN

Bài viết sử dụng số liệu khảo sát của đề tài cấp Bộ 2017 - 2018: *Thái độ của người nông dân đối với sản xuất thực phẩm an toàn*; Viện Tâm lý học chủ trì; PGS.TS. Lê Thị Thu Thủy làm chủ nhiệm.

TS. Nguyễn Thị Phương Hoa

*Phó Tổng biên tập Tạp chí Tâm lý học.*

TS. Rơ Đăm Thị Bích Ngọc

*Viện Tâm lý học.*

## TÓM TẮT

Để tạo ra một sản phẩm chăn nuôi an toàn, bên cạnh sự hiểu biết về quy trình sản xuất an toàn, người nông dân cần phải nhận thức được sự cần thiết thực hiện quy trình này. Trên cơ sở nhận thức đúng người nông dân mới có thể có hành vi áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn vào thực tế sản xuất. Vì vậy, bài viết này tập trung tìm hiểu thực trạng nhận thức và hành vi thực tế của người nông dân trong việc thực hành chăn nuôi an toàn, cũng như mối quan hệ giữa hai yếu tố này. Kết quả khảo sát trên 305 nông dân (tuổi trung bình là 49, độ lệch là 11 tuổi, nam chiếm 57%) đang tham gia chăn nuôi lợn/gà ở 2 tỉnh Hải Dương và Lâm Đồng cho thấy người nông dân nhận thức được về sự cần thiết của các quy định trong quy trình chăn nuôi an toàn. Tuy nhiên, hành vi thực tế của người nông dân chưa hoàn toàn tương xứng với nhận thức của họ.

**Từ khóa:** Nhận thức; Hành vi thực tế; Chăn nuôi an toàn; Nông dân.

Ngày nhận bài: 20/6/2018; Ngày duyệt đăng bài: 25/7/2019.

## 1. Đặt vấn đề

Ngành chăn nuôi giữ vị trí quan trọng trong việc cung cấp chủ yếu thực phẩm cho người dân. Tuy nhiên, tình trạng thực phẩm “bẩn”, thực phẩm không rõ nguồn gốc xuất hiện ngày càng nhiều đã đẩy lên mối lo ngại của toàn xã hội về vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm, trong đó có khâu sản xuất sản phẩm chăn nuôi an toàn. Để có một sản phẩm chăn nuôi an toàn, điều này phụ thuộc trước hết vào những người sản xuất ra thực phẩm đó, đó là những nông dân đang

chăn nuôi gia súc, gia cầm. Trước thực trạng này, Viện Tâm lý học đã tiến hành nghiên cứu về thái độ của người nông dân đối với sản xuất thực phẩm an toàn. Trong đó, thái độ của người nông dân về chăn nuôi an toàn là một trong những nội dung chủ yếu của nghiên cứu này.

Nhận thức (những đánh giá về sự cần thiết của chăn nuôi an toàn, của quy trình chăn nuôi an toàn) là một trong ba bộ phận cấu thành nên thái độ của người nông dân đối với chăn nuôi an toàn. Để tạo ra một sản phẩm chăn nuôi an toàn, bên cạnh sự hiểu biết về quy trình sản xuất an toàn, người nông dân cần phải có nhận thức được sự cần thiết thực hiện quy trình này; trên cơ sở nhận thức đúng người nông dân mới có thể có hành vi áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn vào thực tế sản xuất.

Hiểu biết của người nông dân về cách thức tạo ra một sản phẩm chăn nuôi an toàn đã được đăng tải trên tạp chí Tâm lý học số 7/2018. Bài viết đó đã cho thấy, phần lớn những người chăn nuôi tham gia nghiên cứu ít nhiều đã biết phải làm gì để tạo ra sản phẩm chăn nuôi an toàn khi “nếu tương đối chính xác nhiều yêu cầu về sử dụng thuốc, sử dụng thức ăn, yêu cầu về chuồng trại, về con giống, về nước trong chăn nuôi, yêu cầu khi xuất bán đối với vật nuôi...” (Nguyễn Thị Phương Hoa, 2018). Vì vậy, bài viết này chỉ tập trung trả lời câu hỏi: Về mặt nhận thức, người nông dân/người chăn nuôi đánh giá như thế nào về sự cần thiết của việc thực hiện quy trình chăn nuôi an toàn? Về mặt hành vi, họ có thực hành các quy định chăn nuôi an toàn trong thực tế sản xuất không? Nhận thức và hành vi thực tế của họ có mối quan hệ như thế nào?

## 2. Mẫu và phương pháp nghiên cứu

*Mẫu nghiên cứu:* Tổng số có 189 nông dân đại diện cho 189 hộ nông dân đang chăn nuôi lợn/gà ở 2 tỉnh Hải Dương và Lâm Đồng đã tham gia trả lời bảng hỏi. Độ tuổi trung bình của người nông dân là 49 tuổi, độ lệch là 11 tuổi; người trẻ nhất là 21 tuổi, người lớn tuổi nhất là 65 tuổi. Trong đó, nam giới chiếm 53,4%, nữ giới chiếm 46,6%; 58,0% số người trả lời có học vấn bậc tiểu học và trung học cơ sở; 29,3% có học vấn bậc trung học phổ thông; 12,7% có trình độ từ trung cấp trở lên; 48,7% số nông dân sống ở tỉnh Hải Dương, 51,3% sống ở tỉnh Lâm Đồng. Như vậy, mẫu chọn có độ tuổi trung bình khá cao, chủ yếu ở độ tuổi trung niên và già, đa phần người chăn nuôi có trình độ học vấn tiểu học và trung học cơ sở.

Trong tổng số 189 hộ chăn nuôi, 23,8% số hộ chỉ chăn nuôi và 76,2% số hộ vừa chăn nuôi vừa trồng trọt; số hộ chỉ nuôi gà chiếm 42,9%, số hộ chỉ nuôi lợn chiếm 17,5%, số hộ nuôi cả lợn lẫn gà chiếm 39,7%. Mặc dù số hộ chăn nuôi gà có phần nhiều hơn, nhưng nhiều hộ chăn nuôi gà với mục đích để ăn là chính. 31 hộ (chiếm 16,4%) tham gia sản xuất an toàn (những hộ nuôi lợn/gà

theo một quy trình chuẩn và được cấp giấy chứng nhận chất lượng cho sản phẩm chăn nuôi); 158 hộ (chiếm 83,6%) không tham gia chăn nuôi an toàn (chăn nuôi thông thường). Có thể nói rằng, phần lớn các hộ chăn nuôi kết hợp trồng trọt và không tham gia chăn nuôi an toàn ở thời điểm khảo sát.

*Phương pháp nghiên cứu:* Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi là chủ yếu. Bảng hỏi đo lường nhận thức và hành vi của người chăn nuôi về chăn nuôi an toàn, dựa trên một số tiêu chí đánh giá của VietGAHP (Vietnamese Good Animal Husbandry Practices). Đây là quy trình thực hành chăn nuôi tốt được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận và khuyến khích bà con nông dân thực hành. VietGAHP chăn nuôi lợn, gà được ban hành mới nhất tại Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN ngày 10 tháng 11 năm 2015. Theo đó, quy trình chăn nuôi gà được cụ thể hóa thành 31 tiêu chí (gồm 21 tiêu chí bắt buộc thực hiện và 10 tiêu chí khuyến khích thực hiện); quy trình chăn nuôi lợn gồm 45 tiêu chí (31 tiêu chí bắt buộc thực hiện và 14 tiêu chí khuyến khích thực hiện); mỗi tiêu chí có thể gồm nhiều yêu cầu cần đạt được. Chúng tôi không sử dụng toàn bộ các tiêu chí của VietGAHP vì trong đó có cả những tiêu chí khuyến khích thực hiện. Đồng thời để bảng hỏi không quá dài và gây mệt mỏi cho người trả lời, chúng tôi chỉ lựa chọn một số tiêu chí quan trọng cùng với một số yêu cầu có thể khác với chăn nuôi truyền thống trước kia. Đó là các yêu cầu về xây dựng chuồng trại đúng kỹ thuật, giữ vệ sinh chuồng trại; khử trùng giày, dép, dụng cụ chăn nuôi; mua con giống từ những cơ sở gây giống được cấp phép; tiêm phòng, sử dụng thuốc theo hướng dẫn của bác sĩ thú y; đảm bảo vệ sinh an toàn đối với thức ăn chăn nuôi... Mỗi yêu cầu được đưa thành 1 câu hỏi có 3 phương án trả lời: 1- Không quan trọng/ Không cần lắm (hoặc “Không nhất thiết phải làm như vậy”); 2- Hơi quan trọng/Hơi cần thiết (hoặc “Làm cũng được, không làm cũng được”); 3- Rất quan trọng/Rất cần (hoặc “Nhất định phải làm thế”). Các hành vi thực tế trong chăn nuôi đa phần được đánh giá theo các mức độ thực hiện: 1 - Hiếm khi; 2 - thỉnh thoảng; 3 - Thường xuyên.

Số liệu khảo sát được xử lý với sự hỗ trợ của phần mềm SPSS. Các phép thống kê được sử dụng là: tần suất, bảng chéo (Crosstabs), tương quan Spearman.

### **3. Kết quả và bàn luận**

Kết quả khảo sát cho thấy, đại đa số người nông dân đang tham gia chăn nuôi đều cho rằng, sản xuất nông nghiệp an toàn là cần thiết, là quan trọng, là tốt cho sức khỏe của người tiêu dùng, sức khỏe của người sản xuất, tốt cho môi trường; cũng như cho rằng, sản xuất nông nghiệp an toàn là hướng đi mang ý nghĩa sống còn trong giai đoạn hiện nay và người nông dân cần có đạo đức nghề nghiệp. Vậy người nông dân (người chăn nuôi) nhận thức như thế nào về

Trong chăn nuôi, đôi khi phải sử dụng thuốc kháng sinh cho lợn/gà?	15,4	17,9	66,7
Khi dịch bệnh xảy ra tại cơ sở chăn nuôi, chủ cơ sở đó có nhất thiết phải báo cho chính quyền xã không?	6,6	32,5	60,8
Việc xây dựng chuồng trại, đúng kỹ thuật, giữ vệ sinh chuồng trại có quan trọng không?	1,1	3,0	95,9
Việc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cho lợn/gà có quan trọng không?	0,6	2,4	97,0

Bên cạnh đó, kết quả khảo sát còn đặt ra một vấn đề về sử dụng thuốc kháng sinh. Khi đưa ra nhận định “Trong chăn nuôi, đôi khi phải sử dụng thuốc kháng sinh cho lợn/gà”, chỉ có 66,7% số người nông dân đồng ý vấn đề này (tỷ lệ này thấp hơn so với tỷ lệ đồng ý ở các nhận định khác). Sở dĩ như vậy là vì người nông dân thường sử dụng thức ăn công nghiệp trong chăn nuôi; trong khi đó “100% thức ăn công nghiệp đều chứa kháng sinh, kháng sinh dùng để phòng bệnh và kích thích tăng trưởng” (Vũ Duy Giảng, 2014). Điều này dẫn đến vấn đề tồn dư kháng sinh trong sản phẩm chăn nuôi. Đứng trước dư luận của xã hội vấn đề tồn dư kháng sinh, có thể một số nông dân đã trả lời theo mong muốn của xã hội là không sử dụng kháng sinh, mặc dù kháng sinh vẫn cần sử dụng khi chữa bệnh cho vật nuôi.

*\* Một số khác biệt về nhận thức giữa các nhóm nông dân*

Về quy định phải khử trùng giày dép, dụng cụ chăn nuôi, phần lớn người dân nhận thức được sự cần thiết của việc này. Tuy nhiên, nông dân đang tham gia chăn nuôi an toàn, ở tỉnh Lâm Đồng, nông dân có học vấn càng cao càng coi trọng việc này hơn nông dân không tham gia chăn nuôi an toàn, nông dân tỉnh Hải Dương, nông dân có học vấn thấp hơn. Tuy nhiên, nông dân tỉnh Hải Dương lại nhận thức tốt hơn về việc tiêm phòng cho lợn giống, gà giống.

Khác biệt lớn nhất được thể hiện giữa các hộ đang tham gia chăn nuôi an toàn và các hộ không tham gia chăn nuôi an toàn. 96,6% số người đến từ những hộ tham gia chăn nuôi an toàn cho rằng, việc khử trùng giày dép, dụng cụ chăn nuôi là rất cần thiết, trong khi tỷ lệ này ở những hộ không tham gia chăn nuôi an toàn là 76,4%. 86,7% số hộ tham gia chăn nuôi an toàn cho rằng phải tiêm phòng đầy đủ cho vật nuôi trong quá trình nuôi, trong khi tỷ lệ này ở những hộ còn lại là 63,8%.

Về vấn đề con giống, tỷ lệ người cho rằng nhất thiết phải mua con giống từ những trại giống được cấp phép gây giống là khác nhau khi so sánh theo thu

nhập của hộ: 81,3% số người trong hộ có thu nhập cao (trên 10 triệu đồng/tháng) cho rằng việc làm này rất cần thiết, trong khi tỷ lệ này ở những hộ có thu nhập thấp hơn chỉ dao động từ trong khoảng 51,1 - 57,5%.

Tóm lại, người chăn nuôi có trình độ học vấn cao, ở hộ tham gia chăn nuôi an toàn, hộ có thu nhập cao từ nông nghiệp có nhận thức tốt hơn về một số quy định cụ thể trong quy trình chăn nuôi an toàn so với người chăn nuôi có trình độ học vấn thấp, ở hộ chưa tham gia chăn nuôi an toàn, hộ có thu nhập thấp.

### 3.2. Hành vi thực tế của người nông dân

Trong chăn nuôi, việc xây dựng chuồng trại đúng kỹ thuật và giữ vệ sinh chuồng trại rất quan trọng đối với sức khỏe của vật nuôi. Người chăn nuôi nhận thức rất đầy đủ về vấn đề này. Tuy nhiên, trong xây dựng và vệ sinh chuồng trại, người chăn nuôi chưa đảm bảo được nhiều tiêu chí về chuồng trại theo tiêu chuẩn VietGAHP (xem bảng 2). Chuồng trại chăn nuôi của trên dưới 40% số hộ tham gia khảo sát vẫn ở gần nhà và/hoặc không có hệ thống thu gom, xử lý rác thải và/hoặc không có hồ khử trùng và/hoặc không có hàng rào; chỉ có tiêu chí về nền chuồng mới được hầu hết các hộ đáp ứng (chiếm 93,2%). Thực trạng này xuất phát từ điều kiện chăn nuôi của gia đình như đất đai chật hẹp, tài chính khó khăn... Mặt khác, quy mô chăn nuôi nhỏ khiến nhiều hộ chăn nuôi không muốn đầu tư quá nhiều về chuồng trại.

**Bảng 2: Thực trạng chuồng trại chăn nuôi của các hộ nông dân (%)**

	Thực trạng	Có	Không
Chuồng trại chăn nuôi	Ở xa nhà	62,3	37,7
	Có hàng rào	56,8	43,2
	Có hồ khử trùng	59,3	40,7
	Có hệ thống thu gom, xử lý chất thải	59,9	40,1
	Nền chuồng đọng nước	6,8	93,2
Khử trùng chuồng trại	Khi có dịch bệnh	29,2	70,8
	Sau khi xuất bán vật nuôi	42,5	57,5
	Định kỳ khử trùng	75,5	24,5

Về vấn đề vệ sinh chuồng trại chăn nuôi, đa phần (chiếm 75,5%) các hộ định kỳ khử trùng chuồng trại. Tuy nhiên, theo quy định chăn nuôi an toàn, chuồng trại không chỉ được khử trùng định kỳ mà còn phải được khử trùng

ngay sau khi xuất bán vật nuôi. Chỉ có 42,5% số hộ thực hiện việc khử trùng chuồng trại sau khi xuất bán vật nuôi.

Không chỉ chuồng trại mà giày dép, dụng cụ chăn nuôi cũng cần được khử trùng. Tuy nhiên, chỉ 59,8% số người chăn nuôi cho biết, gia đình họ thường xuyên làm việc này; 20,1% thỉnh thoảng làm; 20,1% hầu như không làm. Đối với những hộ gia đình chăn nuôi với số lượng lớn, họ thường có hồ vôi dùng để khử trùng giày dép, dụng cụ chăn nuôi.

Con giống theo yêu cầu của VietGAHP là phải có nguồn gốc rõ ràng, được tiêm phòng đầy đủ. Trong thực tế, phần lớn (chiếm 56,6%) các hộ tự gây giống; gần 1/2 số hộ mua giống từ những trại giống, cơ sở gây giống được cấp phép; gần 1/4 số hộ mua giống của người quen; rất ít hộ (chiếm 4,7%) mua ở chợ (xem bảng 3). Con giống được tiêm phòng tương đối đầy đủ: 52,7% hộ gia đình tiêm phòng tất cả các loại bệnh theo hướng dẫn của bác sĩ; 41,2% tiêm phòng một số bệnh cơ bản; 6,1% không tiêm phòng (đây là những hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, nuôi để ăn). Như vậy, qua tự báo cáo của người chăn nuôi, có thể nói rằng đa phần các hộ chăn nuôi đã đảm bảo tương đối tốt tiêu chí về nguồn gốc và sức khỏe của con giống.

*Bảng 3: Hành vi mua/gây giống lợn/gà và chữa bệnh cho lợn/gà của các hộ nông dân (%)*

Hành vi		Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên
Mua/gây giống lợn/gà	Tự gây giống	35,0	8,4	56,6
	Mua của người quen	63,7	14,1	22,2
	Mua ở chợ	89,1	6,3	4,7
	Mua của trại giống, cơ sở gây giống tự phát	72,2	9,8	18,0
	Mua ở trại giống, cơ sở gây giống được cấp phép gây giống	46,8	6,4	46,8
Chữa bệnh cho lợn/gà	Tự mua thuốc và chữa bệnh theo kinh nghiệm của gia đình	33,6	16,1	50,3
	Tự mua thuốc và chữa bệnh theo hướng dẫn trên bao bì thuốc	37,0	16,7	46,4
	Mua thuốc và chữa bệnh theo hướng dẫn của người bán thuốc	39,3	20,7	40,0
	Mua thuốc và chữa bệnh theo hướng dẫn của bác sỹ thú y	18,0	11,8	70,2

Về sử dụng thuốc thú y, yêu cầu của VietGAHP là phải sử dụng thuốc theo hướng dẫn của bác sĩ thú y. Phần lớn (chiếm 70,2%) số hộ tham gia khảo sát cho biết khi lợn/gà của gia đình họ bị bệnh, họ thường mua thuốc và chữa bệnh theo hướng dẫn của bác sĩ thú y. Tuy nhiên, 40 - 50% số hộ cũng tự mua thuốc và chữa bệnh cho vật nuôi theo kinh nghiệm của gia đình và/hoặc theo hướng dẫn trên bao bì thuốc và/hoặc theo hướng dẫn của người bán thuốc. 75,3% số người được hỏi cho rằng, hướng dẫn của bác sĩ thú y rất phù hợp với điều kiện sản xuất của gia đình mình; chỉ có 5,4% có ý kiến ngược lại. Tuy nhiên, trao đổi với một số nông dân trong quá trình khảo sát định lượng cho thấy, một số nông dân không tin tưởng vào bác sĩ thú y của địa phương, họ tin tưởng vào kinh nghiệm bản thân hơn.

Về sử dụng thức ăn chăn nuôi, số hộ sử dụng thức ăn tự nhiên, thức ăn tận dụng là chủ yếu và số hộ sử dụng cân đối 2 loại thức ăn tự nhiên và thức ăn công nghiệp có tỷ lệ tương đương nhau (tỷ lệ tương ứng là 36,9% và 35,7%); số hộ sử dụng thức ăn công nghiệp là chủ yếu chiếm tỷ lệ thấp hơn một chút (chiếm 27,4%). Yêu cầu đối với thức ăn công nghiệp là phải có xuất xứ (địa chỉ nơi bán, nơi sản xuất...) rõ ràng. Theo tự đánh giá của người chăn nuôi có sử dụng thức ăn công nghiệp thì 46,5% trong số đó biết rõ; 37,7% biết một phần; 15,7% không biết về doanh nghiệp sản xuất thức ăn công nghiệp và cơ sở cung cấp thức ăn công nghiệp.

Trong khi đó, một số người nông dân chăn nuôi ở quy mô lớn nhấn mạnh vào việc sử dụng thức ăn của những hãng có uy tín, cũng như sử dụng thuốc thú y rõ nguồn gốc (không sử dụng thuốc “trôi nổi” trên thị trường), thì một số hộ gia đình sử dụng thức ăn chăn nuôi công nghiệp một cách cảm tính mà chưa thực sự quan tâm đến nguồn gốc, xuất xứ của nó. Một hộ chăn nuôi ở Hải Dương với mục đích để ăn là chủ yếu, có sử dụng cám công nghiệp; khi được hỏi về thức ăn công nghiệp, người được hỏi không nhớ thương hiệu của nhà sản xuất, liền vào trong nhà vác bao cám ra cho người phỏng vấn xem.

Trong quá trình khảo sát, chúng tôi nhận thấy rằng người nông dân thường chú ý đến hiệu quả của thức ăn chăn nuôi hơn là vấn đề vệ sinh, an toàn của thức ăn chăn nuôi. Điều này cũng được một số nông dân thừa nhận: Vì nông dân còn nghèo nên chỉ quan tâm đến lợi nhuận, ít quan tâm đến trách nhiệm của mình trong quá trình sản xuất. Tuy nhiên, người nông dân không có nhiều khả năng trong việc đánh giá mức độ an toàn, bảo đảm của thức ăn chăn nuôi, họ chỉ có thể đánh giá theo giới thiệu của người quen, thậm chí chỉ qua quảng cáo của người bán hàng. Vì vậy, ở nông thôn, vẫn còn tình trạng một số hộ nông dân sử dụng những sản phẩm thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y không rõ nguồn gốc. Mặt khác, họ cũng không nắm được liều lượng kháng sinh mà nhà sản xuất trộn trong thức ăn chăn nuôi công nghiệp. Nhiều nông dân khẳng định

rằng họ không trộn thêm kháng sinh vào thức ăn chăn nuôi, cho nên có tình trạng tồn dư kháng sinh trong sản phẩm chăn nuôi là do phía nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi.

### **3.3. *Mối quan hệ giữa nhận thức và hành vi thực tế của người nông dân trong chăn nuôi an toàn***

Kết quả phân tích tương quan cho thấy, nhận thức có tương quan với hành vi chăn nuôi an toàn ở một số vấn đề cụ thể theo chiều hướng: càng nhận thức được sự cần thiết/tầm quan trọng của việc tuân thủ các quy định chăn nuôi an toàn, người nông dân càng tuân thủ tốt hơn các quy định này. Tuy nhiên, ở từng vấn đề cụ thể, độ mạnh của mối tương quan giữa nhận thức và hành vi là khác nhau.

Về khử trùng giày dép và dụng cụ chăn nuôi ( $r = 0,61$ ;  $p < 0,001$ ), nhận thức càng tốt, hành vi càng thường xuyên. Trong số 4 người cho rằng không cần thiết phải khử trùng giày dép, dụng cụ chăn nuôi thì 3 người cho biết gia đình họ hầu như không tiến hành khử trùng giày dép, dụng cụ chăn nuôi. Ngược lại 95/131 hộ cho rằng, nhất thiết phải khử trùng thì thường xuyên làm việc này ( $\chi^2(4, N = 159) = 61,45$ ;  $p < 0,001$ ). Tuy nhiên, 82,5% số người chăn nuôi cho rằng việc khử trùng giày dép và dụng cụ chăn nuôi là rất quan trọng, nhưng chỉ có 59,8% số người cho biết gia đình họ thường xuyên làm việc này. Mặc dù vậy, ở vấn đề này, mối tương quan giữa nhận thức và hành vi là mạnh nhất so với các vấn đề khác.

Về vấn đề con giống, nhận thức về sự cần thiết phải mua con giống từ những cơ sở gây giống được cấp phép gây giống tương quan nghịch với hành vi tự gây giống ( $r = -0,42$ ;  $p < 0,01$ ) và tương quan thuận với hành vi mua giống từ các cơ sở được cấp phép ( $r = 0,29$ ;  $p < 0,01$ ). 100% số người cho rằng không nhất thiết phải mua giống từ những cơ sở cấp phép mà luôn tự gây giống lợn gà; trong khi số người cho rằng nhất định phải mua giống từ cơ sở được cấp phép nhưng tự gây giống ở mức độ khác nhau (từ thỉnh thoảng đến thường xuyên) chỉ chiếm 49,4% trong tổng số người có chung nhận thức về vấn đề này ( $\chi^2(4, N = 140) = 26,73$ ;  $p < 0,001$ ). 11/13 người nhận thức rằng, việc mua con giống từ các cơ sở được cấp phép là không cần thiết cũng có hành vi tương tự trong thực tế là không mua con giống từ những cơ sở này; ngược lại 53/93 người đánh giá cao sự cần thiết phải mua con giống từ những cơ sở được cấp phép thường xuyên có hành vi thực tế tương đồng với nhận thức của mình ( $\chi^2(4, N = 140) = 17,99$ ;  $p < 0,01$ ). Như vậy, càng nhận thức được sự cần thiết phải mua con giống từ những cơ sở gây giống được cấp phép, người nông dân càng ít tự gây giống, càng mua giống từ những cơ sở được cấp phép. Tuy nhiên, tương quan này chưa thực sự mạnh vì trong thực tế

người dân vẫn tự gây giống là chủ yếu, nhất là ở những hộ chăn nuôi có quy mô nhỏ với mục đích để ăn là chủ yếu.

Về vấn đề phòng chữa bệnh, nhận thức càng tốt, hành vi tiêm phòng, sử dụng thuốc theo hướng dẫn của bác sĩ thú y càng thường xuyên, hành vi tự chữa bệnh cho vật nuôi càng giảm. Nhận thức về sự cần thiết phải tiêm phòng cho vật nuôi cũng có tương quan thuận với việc tiêm phòng trong thực tế của các hộ chăn nuôi, tuy nhiên mối tương quan này cũng không thực sự mạnh ( $r = 0,32$ ;  $p < 0,01$ ). Tỷ lệ người tiêm phòng đầy đủ cho vật nuôi theo hướng dẫn của bác sĩ thú y ở nhóm người đánh giá thấp vấn đề này chỉ là 38,5%; trong khi đó tỷ lệ này ở nhóm người đánh giá cao vấn đề này là 63,2% ( $\chi^2(4, N = 164) = 22,92$ ;  $p < 0,001$ ). Nhận thức về tầm quan trọng của việc tiêm phòng, sử dụng thuốc cho lợn gà theo hướng dẫn của bác sĩ thú y tương quan nghịch với hành vi tự mua thuốc và chữa bệnh theo kinh nghiệm của gia đình; tương quan thuận với hành vi mua thuốc và chữa bệnh theo hướng dẫn của bác sĩ thú y; tuy nhiên, mối tương quan này khá yếu ( $r$  lần lượt là  $-0,18$  với  $p < 0,05$  và  $0,28$  với  $p < 0,01$ ). Không có ai trong số người được khảo sát cho rằng không nhất thiết phải mua thuốc, chữa bệnh cho vật nuôi theo hướng dẫn của bác sĩ thú y có hành vi chữa bệnh theo hướng dẫn của bác sĩ; trong khi đó, 50% số người cho rằng việc chữa bệnh theo hướng dẫn của bác sĩ còn tùy điều kiện, hoàn cảnh có hành vi thường xuyên chữa bệnh theo hướng dẫn của bác sĩ thú y; 75% số người cho rằng nhất định phải chữa theo hướng dẫn của bác sĩ có hành vi này ( $\chi^2(4, N = 157) = 22,43$ ;  $p < 0,001$ ). Như vậy, người đánh giá cao sự cần thiết của việc tiêm phòng, sử dụng thuốc theo hướng dẫn của bác sĩ thú y thì ít tự mua thuốc, tự chữa bệnh cho vật nuôi, thường xuyên mua thuốc, chữa bệnh cho vật nuôi theo hướng dẫn của bác sĩ thú y và ngược lại.

Bên cạnh đó, ở một số vấn đề khác, hành vi của người nông dân cũng khá đa chiều, không phải ai có nhận thức tốt thì cũng có hành vi tốt. Ví dụ: Mặc dù hầu hết người chăn nuôi nhận thức được tầm quan trọng của việc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cho lợn gà, nhưng họ lại ít quan tâm, tìm hiểu về nguồn gốc thức ăn công nghiệp mà họ sử dụng trong chăn nuôi. Trong số 155 người cho rằng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cho lợn gà là quan trọng, chỉ có 47,1% trong số đó biết rõ về doanh nghiệp/cơ sở sản xuất, cung cấp thức ăn chăn nuôi cho gia đình; 38,1% biết một phần về vấn đề này; 14,8% không biết vấn đề này. Nhận thức về sự cần thiết phải báo cho chính quyền xã về dịch bệnh xảy ra tại cơ sở chăn nuôi tương quan nghịch với hành vi tự xử lý dịch bệnh của gia đình ( $r = -0,18$ ;  $p < 0,01$ ). Mặc dù tương quan yếu, nhưng điều này cho thấy một thực tế là khi có thể tự xử lý được dịch bệnh đối với gia súc, gia cầm của hộ gia đình thì một số hộ chăn nuôi sẽ không báo với chính quyền; chỉ khi không tự xử lý được thì họ mới báo. Điều này ít nhiều sẽ ảnh

hưởng không tốt đến khả năng khống chế dịch bệnh của chính quyền địa phương vì người dân không phải lúc nào cũng đánh giá chính xác được mức độ nghiêm trọng của dịch bệnh. Đó là chưa kể tới việc một số hộ dân còn cố tình giấu dịch bệnh xảy ra với vật nuôi của mình để bán “chạy” gia súc/gia cầm bị bệnh, vớt vát lại đồng vốn. Đây là tâm sự rất thật của một nông dân: “*Bình thường nó (vật nuôi - lời người phỏng vấn) không sao, nhưng chuẩn bị xuất bán thì ốm, ốm thì vẫn phải xuất bán. Không bán thì lỗ, phải bán nhà bán cửa đi thì làm sao? Phải bán thôi. Ốm lây lỗ thì chết à?*” (nữ, nông dân, 51 tuổi, Lâm Đồng). Có thể nói rằng, mặc dù có nhận thức tốt nhưng người nông dân có thể có cả những hành vi tốt và hành vi chưa tốt trong chăn nuôi, tùy vào đề, tùy hoàn cảnh.

#### 4. Kết luận

Nhìn chung, người nông dân trong mẫu nghiên cứu của chúng tôi đánh giá khá tích cực về sự cần thiết của một số quy định trong quy trình chăn nuôi an toàn. Phần lớn nông dân đánh giá khá cao về sự cần thiết phải xây dựng chuồng trại đúng kỹ thuật, giữ vệ sinh chuồng trại; khử trùng giày dép, dụng cụ chăn nuôi; tiêm phòng, sử dụng thuốc theo hướng dẫn của bác sĩ thú y; tiêm phòng cho con giống trước khi bán; sự cần thiết báo chính quyền khi dịch bệnh xảy ra tại cơ sở chăn nuôi của mình; mua con giống từ những cơ sở gây giống được cấp phép; sử dụng kháng sinh cho vật nuôi. Tuy nhiên, số người đánh giá cáo sự cần thiết báo chính quyền khi dịch bệnh xảy ra tại cơ sở chăn nuôi của mình; mua con giống từ những cơ sở gây giống được cấp phép; sử dụng kháng sinh cho vật nuôi chiếm tỷ lệ thấp hơn ở những vấn đề khác.

So với nhận thức, hành vi thực tế chưa hoàn toàn tương xứng. Nhiều yêu cầu của quy trình chăn nuôi an toàn chưa được thực hiện triệt để. Tuy vậy, về cơ bản, nhận thức và hành vi thực tế của người chăn nuôi có tương quan với nhau theo chiều hướng nhận thức càng tốt, hành vi thực hành đúng càng được thực hiện thường xuyên, ví dụ: nhận thức và hành vi khử trùng giày dép, dụng cụ chăn nuôi; nhận thức về vấn đề xuất xứ của con giống và hành vi mua con giống từ cơ sở được cấp phép; nhận thức và hành vi tiêm phòng cho vật nuôi; nhận thức và hành vi về vấn đề sử dụng thuốc. Bên cạnh đó, nhận thức và hành vi liên quan đến một vài quy định khác không có tương quan hoặc tương quan nghịch, phản ánh thực trạng bất đồng giữa nhận thức và hành vi ở một vài vấn đề cụ thể.

Như vậy, có thể thấy rằng, giữa nhận thức và hành vi thực tế của người nông dân trong chăn nuôi an toàn chưa hoàn toàn nhất quán. Vấn đề này có thể xuất phát từ nhiều lý do: Một là, người nông dân chưa nhận thức đầy đủ về sự cần thiết của các yêu cầu chăn nuôi an toàn và họ trả lời theo mong đợi của xã

hội. Hai là, người nông dân chưa từ bỏ được một số thói quen chăn nuôi cũ không còn phù hợp, chưa tập quen với những hành vi chăn nuôi theo yêu cầu mới... Dù là xuất phát từ nguyên nhân nào, chúng tôi thiết nghĩ việc tập huấn, tuyên truyền về quy trình chăn nuôi an toàn cho người nông dân cần tiếp tục được thực hiện hiệu quả hơn, chất lượng hơn.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Vũ Duy Giảng (2014). *Tiếp cận mới trong chăn nuôi nông hộ*. Nguồn: <https://www.vnua.edu.vn/tin-tuc-su-kien/nguyen-cuu-khoa-hoc/cach-tiep-can-moi-de-phat-trien-chan-nuoi-nong-ho-an-toan-va-hieu-qua-1066.html>. Truy cập ngày 16/8/2019.
2. Nguyễn Thị Phương Hoa (2018). *Nhận thức của nông dân về sản phẩm chăn nuôi an toàn*. Tạp chí Tâm lý học. Số 7. Tr. 58 - 73.
3. Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN Ban hành quy trình thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP) ngày 10 tháng 11 năm 2015.